

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 25-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn T, sinh năm: 1985, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: C L; Nơi cư trú: Số nhà 494B/2, ấp H T, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn H và bà Lê Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong Bản án ngày 26/8/2013; Bị bắt tạm giữ ngày 08/11/2018; Tạm giam từ ngày 17/11/2018 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Phước T, sinh năm: 1974, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: M Đ; Nơi cư trú: Số nhà 189/3, ấp H T, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Có vợ và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong Bản án ngày 29/9/2015; Bị bắt tạm giữ ngày 08/11/2018; Tạm giam từ ngày 17/11/2018 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn T , sinh năm: 1979, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số nhà 486A/2, ấp H T, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Đỗ Thị G; Tiền án: Ngày 04/10/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 23/11/2018; Tạm giam từ ngày 29/11/2018 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Lê Văn X, sinh năm: 1992, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số nhà 84/4, ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Xua và bà Dương Kim Phượng; Có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 17/11/2018; Tạm giam từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Tuấn T, sinh năm: 1984, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số nhà 63/4, ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Có vợ và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 17/11/2018; Tạm giam từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Lê Thị X - sinh năm: 1954. (có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Số nhà 451/2, ấp Hòa Định, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Nguyên đơn dân sự:*

Trần Thị Ngọc D - sinh năm: 1972. (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn S - sinh năm: 1965. (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: ấp T T , xã B T T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Mỹ L (T) - sinh năm: 1977. (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Số nhà 169A, ấp V P, xã B T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3. Huỳnh Thị Kim T - sinh năm: 1989. (có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: ấp V P, xã B T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Trọng T - sinh năm: 2002. (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: ấp V P, xã B T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bùi Quang H - sinh năm: 1958. (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Số nhà 38, ấp N Q, xã V T , huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Nguyễn Trọng T:*

Nguyễn Tuyết T - sinh năm: 1973. (mẹ ruột) (vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: ấp V P, xã B T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Mai Văn T nhà ở gần với nhà của bị hại Lê Thị X là người chuyên mua bán hạt mè, T đi ngang nhà bà X hàng ngày nên biết nhà của bà X có dự trữ nhiều mè và thường ngày chỉ có hai vợ chồng bà X ở nhà, từ đó T có ý định rủ Lê Văn X trộm mè của bà X bán chia nhau tiền tiêu xài. Vào khoảng 10 giờ ngày 04/11/2018, khi T , X và Nguyễn Phước T đang uống cà phê thì X hỏi T có chỗ nào thuê ghe không, T hỏi để làm gì, X nói T cho biết gần nhà của T có chỗ dễ trộm mè, nên cần thuê ghe chở mè khi trộm được đem đi cất giấu rồi bán chia nhau tiền tiêu xài, còn thuê xe chở đi bằng đường bộ sợ camera an ninh ghi hình, T cho biết có chỗ cho thuê ghe nhưng T không biết chạy máy, T nói để về rủ Nguyễn Văn T theo chạy máy cùng với T , X cho biết nếu thuê ghe được thì đêm nay trộm luôn, X sẽ vào lấy mè đưa ra cho T chở xuống đưa T và T chuyển xuống ghe chở đi cất giấu thì cả ba người cùng đồng ý, sau đó T điện thoại kêu T chiều xuống nhà T rước T , còn X thì rủ thêm Nguyễn Tuấn T tối cùng đi trộm mè. Đến khoảng 17 giờ, T xuống rước T rồi cả hai đến nhà ông Bùi Quang H ở ấp N Q, xã V T , huyện Lấp Vò để thuê ghe với giá 300.000 đồng. Nhận ghe xong, T kêu T chạy ghe đến đàu dưới bến sông nhà bên vợ của T ở ấp V P, xã B T, huyện Lấp Vò nghỉ đến khoảng 20 giờ, T và T chạy ghe về đàu dưới dĩa cầu Cái Mít của xã Vĩnh Thới. Đến khoảng 23 giờ, T chạy xe vào nhà của Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T để rước X và T đến nhà của bà X, khi đến nhà bà X thì X dùng cây kiếm kim loại, cán có ốp nhựa màu đỏ mang theo dài 20cm, cắt dây điện bóng đèn trước cửa nhà bà X cho trời tối để dễ thực hiện việc lấy trộm mè và tiếp tục dùng kiếm cắt hàng rào lưới B40 nhà bà X, T thì đứng canh đường, sau đó X vào nhà bà X vác từng bao mè chuyển ra bên ngoài cho T, T vác mè ra để lên xe SIRIUS biển số: 66V1-041.11 của T rồi T chở xuống dĩa cầu Cái Mít để T và T vác xuống ghe. Với cách thức lấy và vận chuyển như đã nêu trên, các bị cáo đã lấy trộm tổng cộng 44 bao mè đen của bà X với tổng trọng lượng là 2.172,8 kg. Trong khi vác Mè xuống ghe do T bị trượt chân nên làm rớt xuống sông 01 bao, sáng hôm sau người dân phát hiện bao mè dưới sông nên cho bà X hay, bà X xác định đúng là bao mè của bà bị mất nên đã trình báo cho cơ quan Công an.

Sau khi lấy trộm mè xong, T đưa X và T về nhà; T và T chạy ghe chở mè đi cất giấu, trên đường đi ghe bị vô nước nên T chỉ đường cho T chạy ghe đến trại cá của Nguyễn Văn S ở ấp T A, xã B T T, huyện Lấp Vò, T gặp và nói với S là T chở mè thuê cho người bạn đi bán nhưng ghe bị vô nước ước mè, nên nhờ S

cho T gửi mè ở trại cá và phơi số mè bị ướt thì S đồng ý (vì S và T đã quen biết nhau hơn 10 năm và có nhiều lần uống rượu chung với nhau). T điện thoại kêu X và T lên vác mè tiếp từ dưới ghe lên trại cá của S, khi vác xong thì X và T về nhà. T thì đưa 300.000 đồng cho T đi trả tiền thuê ghe, T gặp và nói với ông H do ghe vô nước nhiều nên không chở được, từ đó ông H chỉ lấy lại tiền dầu 50.000 đồng, còn lại 250.000 đồng T giữ lại tiêu xài cá nhân. Khi T chạy ghe đi trả thì T ở lại giữ mè và vác 04 bao mè đi cất giấu riêng ở phía sau trại cá ông S. Trả ghe xong T lấy xe của T trở lại trại cá chờ T về nhà. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 05/11/2018, T mua 50 cái bao màu trắng chất liệu nylon, bên ngoài mặt bao có chữ “Vĩnh Phát Sài Gòn” “Bền bỉ dẻo dai, HCM City” màu đỏ ở chợ V T rồi đưa bao và tấm lưới nylon màu đen có kích thước 7,3 x 3,1 mét, có sọc vàng - đỏ cho T và thuê thêm Nguyễn Trọng Trí (tự là Quẹo) 200.000 đồng để T và Trí đi phơi số mè bị ướt và sang bao mè tránh bị phát hiện. Đến khoảng 10 giờ, T kêu T lấy ít mè để làm mẫu đi kiếm chỗ bán với T nên T kêu T lấy dùm bọc mè đưa cho T để làm mẫu bán rồi T và T đem lên chào hàng và bán cho cơ sở thu mua mè của chị Trần Thị Ngọc D ở ấp A L A, xã Đ Y, huyện Lấp Vò với giá 35.000 đồng/1 kg, sau đó T điện thoại nhờ Huỳnh Thị Kim Thủy (vợ của T) ghi số điện thoại của T rồi mang lại đưa cho chị Nguyễn Thị Mỹ L là chủ xe ô tô tải biển số 66C-062.04, kêu chị L điện lại số điện thoại ghi trong giấy có người kêu chở đồ. Chị L điện thoại lại thì T kêu chị L lái xe chở mè từ trại cá của Nguyễn Văn S đến cơ sở thu mua mè của chị Trần Thị Ngọc D, hai bên thống nhất là 400.000 đồng/1 chuyến, T điện thoại kêu X lên dẫn đường cho chị L. X và T chạy xe lên trại cá của S thì xe của chị L chưa tới, nên X đốt các bao mè cũ đã sang bao. Khoảng 15 phút sau, xe của chị L đến thì X, T và T vác mè lên xe để chị L chở đi qua nhà chị D. Chị L điều khiển xe chở hai chuyến tổng cộng 39 bao mè, T và T ở nhà chị D đón rồi trực tiếp bán và cân mè với chị D được số tiền 66.000.000 đồng, chị D đưa tiền cho T, T đưa cho T cất giữ. Sau đó cả 05 bị cáo T, T, X, T và T thống nhất trừ chi phí tiền thuê xe, tiền mướn ghe, tiền mua bao tổng cộng là 2.000.000 đồng và đưa lại cho T, còn lại 64.000.000 đồng thì chia đều cho 05 người, mỗi người được 12.800.000 đồng, T lấy 12.800.000 đồng đưa cho T thì T về trước. Còn lại 51.200.000 đồng T giữ, sau đó T bàn với X và T chỉ chia cho T 8.000.000 đồng do công sức của T bỏ ra ít, thì được X và T đồng ý (nhưng 8.000.000 đồng của T do T giữ luôn nên T sẽ đưa cho T sau), còn lại 43.200.000 đồng chia đều cho cả 03 người T, X và T mỗi người được 14.400.000 đồng. Khi về đến nhà, T kêu T qua nhà nhưng T chỉ đưa cho T 6.500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng T giữ lại tiêu xài cá nhân, tổng cộng T được hưởng 15.900.000 đồng.

Sau khi bán mè và chia tiền xong, T quay về trại cá của S lấy 04 bao mè đã giấu trước đó thuê Nguyễn Trọng T và Huỳnh Văn H (em vợ của T) mỗi người chở 02 bao mè tiếp tục lên bán cho chị D được 6.510.000 đồng, T đưa cho Trí trước và sau tổng cộng là 400.000 đồng, cho Học 110.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng T kêu Trí đem về đưa Huỳnh Thị Kim T là vợ của T cất dùm, còn T đến trại cá của S uống rượu với S. Khi Cơ quan điều tra Công an huyện Lai Vung tiến hành khám nghiệm hiện trường thì các bị cáo sợ nên lần trốn, T thì điện thoại báo cho chị D biết số mè bán cho chị D do T và đồng phạm trộm

có được và kêu chị D tìm người bán gấp lại, chị D làm đơn tố giác sự việc với Công an xã Định Yên. T biết việc trộm mè bị lộ nên lần trốn và điện thoại kêu vợ T xếp vài bộ đồ nhờ Học đem qua cho T, T nói là để đi làm xa vài ngày. T và H uống cà phê tại dốc cầu C L thì T nói cho Học biết số mè kêu Học và T chở đi bán dùm là do T và mấy người bạn của T trộm ở xã T H, huyện Lai Vung, nay sự việc bị lộ nên T bỏ trốn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung tạm giữ vật chứng gồm:

- 01 cây kiếm bằng kim loại, cán có ốp nhựa màu đỏ, bị cáo X giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Mai Văn T, số IMEL 1: 357329084212200, số IMEL 2: 357329086212208, bị cáo T giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đỏ của Nguyễn Phước T, số IMEL: 812696062328633, do bị cáo T giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1200 màu xám của Nguyễn Văn T, số IMEL 352904023072592, do bị cáo T giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA của Lê Văn X, số IMEL: 355862/01/745935/9, do bị cáo X giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Tuấn T, số IMEL: 354496097137493, do bị cáo T giao nộp.
- 01 tấm lưới cước nylon màu đen, sọc màu vàng - đỏ, kích thước 7,3 x 3,1m, do bị cáo T giao nộp.
- Nhiều hạt mè đen (thu trên ghe của ông Bùi Quang H, thu tại trại cá của ông Nguyễn Văn S, thu trên xe tải của bà Nguyễn Thị Mỹ L), do ông Hạo, S và bà L giao nộp.
- 01 cái nón bảo hiểm màu xanh, mũ nón màu đen, thân nón có chữ “YAMAHA” màu trắng, thu trên ghe của ông Bùi Quang H, chưa xác định được chủ sở hữu, do ông Hạo giao nộp.
- Bịch than (đang niêm phong) do chất nylon bị đốt thu tại trại cá của ông S, do ông S giao nộp.
- 43 cái bao màu trắng bằng chất liệu nylon, bên ngoài mặt bao có chữ “Vĩnh Phát Sài Gòn” “ Bền bỉ dẻo dai, HCM City” màu đỏ, do chị D giao nộp.

- 02 đoạn dây kim loại (lưới B40) đã bị cắt hai đầu của bà Lê Thị X, do bà X giao nộp.

Ngày 08/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã trao trả 2.172,8 kg Mè cho bị hại Lê Thị X.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Lai Vung đã cho gia đình của các bị cáo nộp tiền để khắc phục cho chị D cụ thể: gia đình bị cáo Nguyễn Văn T nộp 6.500.000 đồng, Mai Văn T nộp 15.800.000 đồng, Nguyễn Tuấn T nộp 14.400.000 đồng và Lê Văn X nộp 1.500.000 đồng, tổng cộng chị D đã nhận 38.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 146/KL-ĐGTS ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lai Vung kết luận: Giá trị thành tiền của 2.172,8 kg mè tại thời điểm bị mất trộm là 106.390.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS, ngày 08/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Khẳng định việc truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T lén lút vào nhà bị hại Lê Thị X lấy trộm 44 bao mè đen, trọng lượng 2.127,8 kg, trị giá là 106.390.000 đồng. Số tiền bán mè đã chia T 15.900.000 đồng, T nhận 14.800.000 đồng, X và T mỗi người 14.400.000 đồng và T 6.500.000 đồng. Ngoài ra, T còn giấu riêng 04 bao Mè trong số 44 bao mè trộm được bán hưởng riêng với số tiền 6.510.000 đồng, tổng số tiền T được hưởng là 21.310.000 đồng. Trong đó, X là người vào nhà bị hại lấy mè vác ra, Tuấn T làm nhiệm vụ canh giới cho X và vác mè của X đưa từ nhà bị hại ra xe cho T chở mè từ nhà bị hại đến dưới dạ cầu Cái Mít đưa cho T và T vác xuống ghe và chở mè đi giấu sau đó tìm chỗ bán; khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T đã khắc phục hậu quả; bị cáo Nguyễn Văn T khi phạm tội chưa xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Nguyễn Phước T từ 02 năm đến 03 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Mai Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt Lê Văn X từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Xử phạt Nguyễn Tuấn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên: Buộc các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T liên đới hoàn trả cho chị Trần Thị Ngọc D 34.310.000 đồng. Về xử lý vật chứng và T sản thu giữ: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau do không còn giá trị sử dụng:

- 01 cây kiếm bằng kim loại, cán có ốp nhựa màu đỏ, bị can X giao nộp.

- 01 tấm lưới cước nylon màu đen, sọc màu vàng - đỏ, kích thước 7,3 x 3,1m, bị can T giao nộp.

- Nhiều hạt mè đen (thu trên ghe của ông Bùi Quang H, thu tại trại cá của ông Nguyễn Văn S, thu trên xe tải của bà Nguyễn Thị Mỹ L), do ông Hạo, S và bà L giao nộp.

- 01 cái nón bảo hiểm màu xanh, mũ nón màu đen, thân nón có chữ “YAMAHA” màu trắng, thu trên ghe của ông Bùi Quang H, chưa xác định được chủ sở hữu, do ông Hạo giao nộp.

- Bịch than do chất nylon bị đốt thu tại trại cá của ông S, ông S giao nộp

- 43 cái bao màu trắng bằng chất liệu nylon, bên ngoài mặt bao có chữ “Vĩnh Phát Sài Gòn” “ Bền bỉ dẻo dai, HCM City” màu đỏ, chỉ D giao nộp.

- 02 đoạn dây kim loại (lưới B40) đã bị cắt hai đầu của bà Lê Thị X, bà X giao nộp.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Mai Văn T , số IMEL 1: 357329084212200, số IMEL 2: 357329086212208, bị cáo T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đỏ của Nguyễn Phước T , số IMEL: 812696062328633, bị cáo T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1200 màu xám của Nguyễn Văn T , số IMEL 352904023072592, bị cáo T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA của Lê Văn X, số IMEL: 355862/01/745935/9, bị cáo X giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Tuấn T, số IMEL: 354496097137493, bị cáo T giao nộp.

Các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T thống nhất với Bản cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, các bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử X xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T đã có hành vi lén lút trộm T sản là hạt mè của bị hại Lê Thị X và bị hại Lê Thị X xác định đúng tài sản của mình bị mất phù hợp hiện trường vụ án và vật chứng thu giữ; lời nhận tội của các bị cáo đúng với hiện trường vụ

án, phù hợp với lời khai bị hại, nguyên đơn dân sự và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của các bị cáo là có căn cứ. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 44 bao mè với tổng khối lượng 2.127,8 kg, có tổng giá trị là 106.390.000 đồng; các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nên hành vi của các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản” phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

*a).....
b).....
c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng:”.*

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong dư luận, vì sơ hở trong việc quản lý tài sản sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào. Vì vậy cần phải có một mức hình phạt tương xứng nhằm mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này có 5 bị cáo, đây là vụ án có đồng phạm và vai trò của các bị cáo được thể hiện cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Phước T nghe theo lời rủ rê của bị cáo T và X. Theo sự sắp xếp của bị cáo T , bị cáo T thực hiện hành vi trộm bằng việc trực tiếp thuê ghe, vác mè xuống ghe, tìm chỗ để mè, mua bao để đựng mè, thuê người vô bao mè, thuê xe và trực tiếp lấy mẫu mè đi bán với bị cáo T , riêng bị cáo còn chừa lại 04 bao mè để đi bán riêng. Tổng cộng bị cáo hưởng lợi 19.310.000 đồng. Bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính

trong vụ án này. Hành vi của bị cáo hết sức nguy hiểm nên cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

- Mai Văn T là người chủ mưu đã rủ rê các bị cáo Nguyễn Phước T , Nguyễn Văn T , Lê Văn X đi trộm, bị cáo trực tiếp phân công nhiệm vụ và trực tiếp chở mề xuống ghe. Khi trộm mề xong bị cáo là người đem mẫu mề đi tìm nơi tiêu thụ. Bán mề xong, sau khi trả các khoảng chi phí phí tiền thuê xe, tiền mướn ghe, tiền mua bao và chia tiền cho các bị cáo khác, bị cáo T hưởng lợi 15.900.000 đồng nên phải có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

- Bị cáo Nguyễn Văn T nghe theo lời rủ rê của bị cáo T , bị cáo tham gia trộm tài sản của bị hại bằng việc nhận mề trộm được từ bị cáo T và vác mề xuống ghe, cùng đi thuê ghe với bị cáo T , bị cáo là người lách ghe để vận chuyển mề tìm nơi cất giấu. Sau khi bán mề xong bị cáo hưởng lợi được 6.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo cũng hết sức nguy hiểm đã hỗ trợ tích cực cho việc vận chuyển, cất giấu mề, khi phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích cho nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

- Bị cáo Lê Văn X nghe theo lời rủ rê của bị cáo T , bị cáo là người rủ bị cáo T, khi đi trộm bị cáo mang theo kiếm và trực tiếp cắt lưới B40 để vào trộm mề của bị hại chuyển cho T đem ra xe cho T chở xuống ghe. Sau khi bán mề xong bị cáo hưởng lợi được 14.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo cũng nguy hiểm đã hỗ trợ tích cực cho việc trộm mề, cho nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện học tập lao động thành người có ích cho gia đình và xã hội.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn T nghe theo lời rủ rê của bị cáo X, bị cáo cùng X và T đến nhà bị hại, bị cáo canh đường và vận chuyển mề ra xe cho T chở xuống ghe. Sau khi bán mề xong bị cáo hưởng lợi được 14.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo cũng nguy hiểm đã hỗ trợ tích cực cho việc trộm mề, nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Vì vậy cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập lao động thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết nội dung vụ án là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Nguyễn Văn T khi phạm tội chưa xóa án tích, đây là lần tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đây là tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với các bị cáo Mai Văn T ,

Nguyễn Văn T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T đã khắc phục một phần hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt đối với Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Đối với Trần Thị Ngọc D: là người mua mè của Nguyễn Phước T và Mai Văn T đem bán, nhưng chị D không quen, không hứa hẹn trước và cũng không biết số mè T và T đem bán là do trộm cắp mà có, khi biết thì chị đã chủ động trình báo Công an xã Đ Y nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Huỳnh Văn H: là người đem quần áo dùm cho T để T đi trốn và T khai có nói cho H biết số mè T kêu H và T chở đi bán là do T và đồng phạm trộm có được. Cơ quan điều tra nhiều lần mời H làm việc nhưng H không có mặt tại địa phương, chỉ có lời khai duy nhất của T nên chưa có đủ cơ sở xử lý đối với hành vi của H và Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ sẽ X xét xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn S: là người cho T gửi mè và phơi mè nhò, nhưng S không hứa hẹn trước và cũng không biết mè do T trộm cắp mà có, nên không phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Thị Mỹ L: là người lái xe ô tô tải biển số 66C-062.04 chở mè thuê cho T đi bán, nhưng chị L không hứa hẹn trước và cũng không biết số mè mà T thuê chị L chở đi bán là do trộm cắp mà có. Do đó không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Huỳnh Thị Kim T: có hành vi cất giữ số tiền 6.000.000 đồng do T bán số mè trộm được, nhưng T không biết số tiền này là do phạm tội mà có nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Trọng T: là người được thuê phơi mè, sang bao mè cùng với Nguyễn Văn T và chở 04 bao mè cùng với Nguyễn Văn Học lên bán cho chị D theo sự thuê mướn của T , Trí không biết số tài sản trên là do phạm tội mà có nên không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8] Bị hại Lê Thị X trình bày đã mất tài sản là 44 bao mè, tổng trọng lượng là 2.127,8 kg và đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Nguyên đơn dân sự Trần Thị Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, nhưng qua các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Trần Thị Ngọc D trình bày đã mua mè của các bị cáo bán với số tiền 72.510.000 đồng và đã nhận số tiền bồi thường từ gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T , Mai Văn T , Nguyễn Tuấn T và Lê Văn X tổng số tiền 38.200.000 đồng, chị Trần Thị Ngọc D yêu cầu các bị cáo cùng liên đới bồi thường số tiền còn lại 34.310.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số sê ri 1: 357329084212200, số sê ri 2: 357329086212208 của Mai Văn T (đã niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đỏ, số sê ri: 812696062328633, của Nguyễn Phước T (đã niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 1200 màu xám, số sê ri: 352904023072592, của Nguyễn Văn T (đã niêm phong có dấu lằn tay của Nguyễn Văn T).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA của Lê Văn X (đã niêm phong có chữ ký của Lê Văn X).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Tuấn T (đã niêm phong).

Đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ ký cán bộ Công an Nguyễn Tấn Đ và có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (bên trong có cây kiếm bằng kim loại, cán có ốp nhựa màu đỏ).

+ 01 (một) tấm lưới cước bằng sợi tổng hợp nilon màu đen, trên tấm lưới cước có sọc màu vàng đỏ, có kích thước 7,3 x 3,1 mét (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn S).

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ Công an tỉnh Đồng Tháp, Công an huyện Lai Vung, bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của ông Bùi Quang Hạo.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của Nguyễn Văn S.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, mũ nón màu đen, thân nón có chữ “YAMAHA” màu trắng.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều cục than do chất nilon bị đốt và có chữ ký của Nguyễn Văn S.

+ 43 (bốn mươi ba) cái bao màu trắng bằng chất liệu nilon, bên ngoài mặt bao có chữ “Vĩnh Phát Sài Gòn”.

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ Công an tỉnh Đồng Tháp, Công an huyện Lai Vung, có chữ ký Nguyễn Tấn Đ, bên trong có 02 đoạn dây kim loại (lưới B40) đã bị cắt hai đầu.

Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

(Tất cả vật chứng và tài sản trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung đang quản lý).

[10] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự chị Trần Thị Ngọc D đã nhận số tiền bồi thường 38.200.000 đồng, chị Trần Thị Ngọc D tiếp tục yêu cầu các bị cáo cùng liên đới bồi thường tiền mua mè thêm 34.310.000 đồng, các bị cáo cùng đồng ý bồi thường, X xét không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T , Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Các bị cáo, bị hại và nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 08/11/2018.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Mai Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày 08/11/2018.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày 23/11/2018.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn X 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày 17/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù T từ ngày 17/11/2018.

5. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số sê ri 1: 357329084212200, số sê ri 2: 357329086212208 của Mai Văn T (đã niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell màu đỏ, số sê ri: 812696062328633, của Nguyễn Phước T (đã niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 1200 màu xám, số sê ri: 352904023072592, của Nguyễn Văn T (đã niêm phong có dấu lằn tay của Nguyễn Văn T).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA của Lê Văn X (đã niêm phong có chữ ký của Lê Văn X).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen của Nguyễn Tuấn T (đã niêm phong).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ ký cán bộ Công an Nguyễn Tấn Đ và có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (bên trong có cây kiếm bằng kim loại, cán có ốp nhựa màu đỏ).

+ 01 (một) tấm lưới cước bằng sợi tổng hợp nylon màu đen, trên tấm lưới cước có sọc màu vàng đỏ, có kích thước 7,3 x 3,1 mét (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn S).

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ Công an tỉnh Đồng Tháp, Công an huyện Lai Vung, bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của ông Bùi Quang H.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của Nguyễn Văn S.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều hạt mè đen có chữ ký của Nguyễn Thị Mỹ L.

+ 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, mũ nón màu đen, thân nón có chữ “YAMAHA” màu trắng.

+ 01 (một) gói niêm phong bên trong có nhiều cục than do chất nylon bị đốt và có chữ ký của Nguyễn Văn S.

+ 43 (bốn mươi ba) cái bao màu trắng bằng chất liệu nylon, bên ngoài mặt bao có chữ “Vĩnh Phát Sài Gòn”.

+ 01 (một) gói niêm phong có chữ Công an tỉnh Đồng Tháp, Công an huyện Lai Vung, có chữ ký Nguyễn Tấn Đ, bên trong có 02 đoạn dây kim loại (lưới B40) đã bị cắt hai đầu.

(Tất cả vật chứng và tài sản trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung đang quản lý).

5. Về trách nhiệm dân sự: Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T , Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T có nghĩa vụ cùng liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Ngọc D số tiền 34.310.000 đồng (*ba mươi bốn triệu, ba trăm, mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy

định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn T , Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn T , Mai Văn T , Nguyễn Phước T , Lê Văn X và Nguyễn Tuấn T cùng liên đới chịu 1.715.500 đồng (một triệu, bảy trăm, mười lăm nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại và nguyên đơn dân sự được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/6/2019; đối với nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày T từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Hoàng